

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 171/2019/DS-PT

Ngày 22/10/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng

Vay tài sản”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức và ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2019/TLPT-DS, ngày 07 tháng 8 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DSST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2019/QĐ - PT ngày 01/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H. Có mặt.

Địa chỉ: Số 20 đường L, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1 (Tên gọi khác: Nguyễn Thị H1), có mặt; Ông Mai T (Tên gọi khác: Mai Văn T), Có mặt.

Địa chỉ: Số 41 đường P, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

-Người kháng cáo: Bị đơn: Ông Mai T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ quen biết làm ăn nên vào ngày 07/6/2008 vợ chồng bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Mai T vay số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất miệng là 2.000đ/1 triệu/1 ngày, bà H1 hẹn 10 ngày sau trả đủ gốc và lãi. Nhưng đến ngày 02/7/2008 bà H1 trả cho chồng tôi được 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và 3.750.000đ tiền lãi, còn nợ lại 100.000.000đ tiền gốc và tiền lãi cho đến nay vẫn chưa trả. Khi vay số tiền này bà H1 không thể chấp tài sản gì. Nội dung vay tiền, trả tiền trong giấy vay tiền là do ông H2 chồng bà viết, có chữ ký của bà H1 dưới nội dung vay tiền. Riêng nội

dung ngày 16/7/2008 trả 40.000.000đ (bốn chục triệu đồng) không phải là số tiền bà H1 trả mà là của người khác trả, còn ai trả thì hiện nay bà không có tài liệu gì để chứng minh.

Đến ngày 13/10/2008 bà H1 vay tiếp của vợ chồng bà số tiền là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng), thời gian vay là 30 ngày nếu quá hạn thì lãi suất 4.5%/tháng, khi vay bà H1 có đưa cho bà 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 507286, AM 507287 đứng tên bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Mai T để làm tin. Do đến hạn không trả được nên ngày 20/01/2009 bà H1 viết giấy thông nhất tính lãi suất của khoản vay này là 1.500/1 triệu/1 ngày nhưng từ đó đến nay không trả nợ cho bà. Trước đây bà có đòi nợ nhiều lần nhưng từ năm 2013 đến nay bà không đòi nợ nữa vì ông H2 đã chết và bà bị đau ốm bệnh tật.

Nay cha, mẹ ông H2 đều chết trước ông H2, các con chung của bà với ông H2 đề có đơn từ chối tham gia tố tụng vì không liên quan đến quyền lợi của các con nên trước đây bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà H1 ông T phải trả cho bà tổng số tiền là 950.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 350.000.000đ, tiền lãi là 600.000.000đ nhưng tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà H1 ông T phải trả cho bà số tiền gốc 350.000.000 và tiền lãi theo mức 1%/tháng/nợ gốc kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2009 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà công nhận năm 2008 bà có 02 lần vay của vợ chồng bà H, ông H2 với tổng số tiền gốc là 450.000.000đ để làm ăn buôn bán, 02 giấy vay tiền là do ông H2 viết. Chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị H1 trong 02 giấy vay tiền bà H xuất trình cho Tòa án là do bà ký và viết. Cả 02 lần vay đều có thỏa thuận lãi và hạn trả như bà H trình bày. Nhưng do làm ăn bị thua lỗ vỡ nợ nên bà chưa trả đủ được cho vợ chồng bà H. Ngày 20/01/2009, theo yêu cầu của bà H bà có viết giấy thông nhất tính lãi suất của khoản vay 250.000.000đ là 1.500/1 triệu/1 ngày. Nay bà H khởi kiện thì bà có ý kiến như sau:

Đối với số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) vay ngày 07/6/2008 bà đã trả được 190.000.000đ tiền gốc và 3.750.000đ tiền lãi. Cụ thể ngày 02/7/2008 trả 150.000.000đ tiền gốc và 3.750.000đ tiền lãi; Ngày 16/7/2008 trả 40.000.000đ nên khoản vay này bà chỉ còn nợ 10.000.000đ tiền gốc và lãi theo pháp luật. Việc trước đây bà thừa nhận còn nợ khoản vay này là 60.000.000đ do khi đó bà không có tài liệu gì để chứng minh. Nay bà khẳng định đối với khoản vay này bà chỉ còn nợ 10.000.000đ tiền gốc. Bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết để bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp cho bà.

Đối với số tiền lãi bà đã trả cho chồng bà H ngày 02/7/2008 là 3.750.000đ bà không có yêu cầu gì vì số lãi này bà đã trả xong.

Đối với số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) vay ngày 13/10/2008 bà chưa trả được khoản nào nhưng khi vay và có đưa cho bà H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 507286 và AM 507287 đứng tên bà với ông T chồng bà để làm tin. Nay bà yêu cầu bà H phải trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà. Đối với số tiền nợ gốc bà đồng ý trả cho bà H

260.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật. Bà yêu cầu tính lãi trên nợ gốc theo mức 1%/tháng kể từ ngày 20/01/2009 đến nay thì bà đồng ý và không yêu cầu tính thời hiệu khởi kiện. Việc vay tiền là do bà vay để buôn bán làm ăn và trả nợ, ông T chồng bà không tham gia, ông chỉ biết bà vay tiền khi hai vợ chồng đến nói chuyện với vợ chồng bà Hòa năm 2009 là vợ chồng bà H lấy 01 lô đất để trừ nợ còn 01 lô trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà để vợ chồng bà bán đất trả nợ cho người khác.

Nay bà H khởi kiện bà H1 xác định còn nợ bà H 260.000.000đ tiền nợ gốc còn lãi bà không đồng ý trả vì bà đã nói trả cho bà H 01 lô đất trừ nợ nhưng bà H đòi cả 02 lô nên bà không đồng ý. Chồng bà là ông Mai T không tham gia vào việc vay tiền.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 08/7/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Mai T trình bày:

Ông Mai T không vay tiền bà H và cũng không có nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Vì vậy, ông T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DSST ngày 22/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 471; Điều 473; Điều 474 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H;

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 (tên gọi khác là Nguyễn Thị H1), ông Mai T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền là 703.493.333đ (Bảy trăm lẻ ba triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 310.000.000 đồng, nợ lãi là 393.493.333 đồng.

Bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Mai T 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 507286 và số AM 5072867 đứng tên bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Mai T.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/7/2019 ông Mai T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự tranh luận với nhau và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mai T và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 22/2019/DSST ngày 22/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Mai T được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị H1 và ông Mai T phải trả cho bà số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi theo mức 1%/tháng/nợ gốc kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2009 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[1.1] Xét nội dung kháng cáo và quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, thì thấy rằng:

- Về việc thu thập chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar chỉ thu thập được 01 bản tự khai hợp lệ vào ngày 24/6/2019 đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị H1 và bản tự khai này được thu thập sau khi Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Ngoài ra, Tòa cấp sơ thẩm sử dụng một số lời khai của bị đơn được phô tô từ hồ sơ của vụ án dân sự khác, gồm: bản tự khai của bà Nguyễn Thị H1 và ông Mai T đề ngày 12/01/2018(BL 25), biên bản lấy lời khai và bản tự khai của bà Nguyễn Thị Thu H1 đề ngày 25/12/2017(BL 23, 24), biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị H đề ngày 25/12/2017 (BL 22). Tất cả các bút lục phô tô này đều đóng dấu sao y của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar mà không ghi ngày tháng năm. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tuân thủ quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng lại sử dụng toàn bộ tài liệu, chứng cứ này để làm căn cứ giải quyết vụ án là không đúng quy định của pháp luật.

Về đánh giá chứng cứ: Theo lời khai hợp pháp và duy nhất (BL44) của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có trong hồ sơ vụ án, thì bà H1 chỉ trình bày về các giấy vay tiền và các khoản tiền mà bà đã trả được cho bà H. Lời khai của bà H1 có sự mâu

thuần với lời khai, cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đối chất để làm rõ là thiếu sót.

Mặt khác, trong các lời khai có trong hồ sơ vụ án, thì bà H1 và ông Mai T (chồng bà H1) đều trình bày chỉ có cá nhân bà H1 mượn tiền, ông T không hề hay biết. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ mục đích vay tiền của bà H1 nhằm để dụng vào việc gì, ông T chồng bà H1 có biết hay không, nhưng lại nhận định “ông T biết việc bà H1 mượn tiền hoặc bà H1 mượn tiền để sử dụng cho mục đích chung của gia đình” và căn cứ vào lời khai của ông T được phô tô từ một hồ sơ vụ án khác đã được giải quyết bằng quyết định đình chỉ có hiệu lực pháp luật, để buộc ông Mai T cùng có nghĩa vụ trả nợ với bà H1 là giải quyết vụ án chưa khách quan, toàn diện.

Ngoài ra, các nội dung giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết ở phần người vay và trong đơn khởi kiện của nguyên đơn thể hiện bị đơn là “Nguyễn Thị H1”, nhưng tại bản án sơ thẩm đã tuyên thì xác định bị đơn là: Nguyễn Thị Thu H1 (tên gọi khác là Nguyễn Thị H1). Tuy nhiên, trong hồ sơ không có tài liệu, văn bản nào để xác định họ tên khác của bị đơn Nguyễn Thị H1 là “Nguyễn Thị thu H1”. Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên “trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ” là không đúng với hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2] Về thời hạn chuẩn bị xét xử tại cấp sơ thẩm: Vụ án dân sự sơ thẩm "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Mai T được Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar thụ lý vào ngày 04 tháng 7 năm 2018 nhưng đến ngày 28 tháng 5 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar ra quyết định xét xử vụ án. Tính từ thời điểm thụ lý vụ án tới ngày đưa vụ án ra xét xử là 07 tháng 24 ngày. Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, nên cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ phân tích nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, vi phạm trình tự thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chưa đối chất làm rõ lời trình bày còn mâu thuẫn giữa các đương sự, thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ, dẫn đến việc đánh giá, giải quyết vụ án không khách quan, toàn diện, mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về lại cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Mai T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Mai T – Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2019/DSST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Mai T số tiền 300.000 đồng tạm ứng áp phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0014093 ngày 15/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh